

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA**

Số: 47 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ia Pa, ngày 20 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Ia Pa khoá IV, kỳ họp thứ 2 về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách địa phương; Phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Văn bản số 71/CV-TCKH ngày 14/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017, như sau:

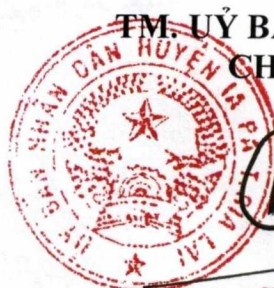
(có các biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện uỷ;
- TT HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- MT, đoàn thể huyện;
- UBND các xã;
- Lưu VT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA

Mẫu số 21/CKTC-NSH

CÂN ĐỐI DƯ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đvt: triệu đồng.

STT	Chi tiêu	Dự toán
A	<u>Tổng thu NSNN trên địa bàn</u>	<u>10.000,0</u>
1	Thu nội địa	9.700,0
2	Các khoản quản lý qua ngân sách	300,0
B	<u>Thu ngân sách địa phương</u>	<u>275.683,0</u>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	8.670,0
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	6.930,00
	- Các khoản thu hưởng theo tỷ lệ %	1.740,00
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	255.913,0
	- Bổ sung cân đối	235.663,00
	- Bổ sung có mục tiêu	20.250,00
3	Thu kết dư ngân sách năm trước	10.800,00
4	Các khoản quản lý qua ngân sách	300,00
C	<u>Chi ngân sách địa phương</u>	<u>275.683,0</u>
1	Chi đầu tư phát triển	20.517,0
2	Chi thường xuyên	248.446,0
3	Chi các khoản thông qua ngân sách	300,0
4	Dự phòng ngân sách	6.420,0

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA

Mẫu số 22/CKTC-NSH

**CÂN ĐỐI DƯ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH CÁC XÃ NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của UBND huyện Ia Pa)

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
A	<u>Ngân sách cấp huyện</u>	
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	273.650,00
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	6.637,00
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	255.913,00
	- Bổ sung cân đối	235.663,00
	- Bổ sung có mục tiêu	20.250,00
3	Thu kết dư ngân sách	10.800,00
4	Thu thông qua ngân sách	300,00
II	Chi ngân sách cấp huyện	273.650,00
1	Chi thuộc nhiệm vụ của NS cấp huyện theo phân cấp	234.410,86
a	Chi đầu tư phát triển	20.517,00
b	Chi thường xuyên	207.982,86
c	Dự phòng	5.611,00
d	Chi các khoản thông qua ngân sách	300,00
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	39.239,14
	- Bổ sung cân đối	28.813,45
	- Bổ sung có mục tiêu	10.425,70
B	<u>Ngân sách cấp xã</u>	
I	Nguồn thu ngân sách xã	41.272,14
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	2.033,00
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	39.239,14
	- Bổ sung cân đối	28.813,45
	- Bổ sung có mục tiêu	10.425,70
II	Chi ngân sách xã	41.272,14
1	Chi thường xuyên	40.463,14
2	Dự phòng	809,00

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA

Mẫu số 23/CKTC-NSH

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đvt: triệu đồng.

STT	Chi tiêu	Dự toán
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)	10.000,00
A	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	9.700,00
I	Phần thu của tỉnh, TW	0,00
II	Phần thu của huyện	9.700,000
1	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	5.050,000
-	Thuế giá trị gia tăng	4.460,00
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	270,00
-	Thuế tài nguyên	320,00
4	Thu tiền sử dụng đất	600,00
5	Lệ phí trước bạ	510,00
6	Phí và lệ phí	630,00
7	Thu phạt an toàn giao thông	900,00
8	Thuế thu nhập cá nhân	950,00
9	Tiền cho thuê đất	110,00
19	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế xử lý	100,00
11	Thu khác và thu phạt	850,00
B	Các khoản thu được để lại quản lý chi qua NSNN	300,00
1	Bán hàng vi phạm lâm luật	250,00
2	Học phí	50,00

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đvt: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	<u>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	<u>275.683,00</u>
A	Chi cân đối ngân sách nhà nước	275.683,00
I	Chi đầu tư phát triển	20.517,00
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	13.300,00
2	Chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn tiền sử dụng đất	640,00
3	Nguồn kết dư, chuyển nguồn...	6.577,00
II	Chi thường xuyên	248.446,00
1	Chi sự nghiệp kinh tế	37.383,99
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	120.086,56
3	Chi sự nghiệp Y tế - Chữ thập đỏ	2.549,99
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	1.505,00
5	Chi sự nghiệp Phát thanh-VH-TT-TD-TT	4.567,47
6	Chi an ninh quốc phòng	5.059,01
7	Chi đảm bảo xã hội	5.383,60
8	Chi quản lý hành chính (huyện, xã)	62.749,68
9	Chi khác	1.669,71
10	Chi sự nghiệp môi trường	3.268,00
11	Chi từ nguồn kết dư, chuyển nguồn...	4.223,00
III	Dự phòng	6.420,00
IV	Chi thông qua ngân sách	300,00
	Các khoản ghi thu, ghi chi	300,00

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA

Mẫu số 25/CKTC-NSH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 47 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đvt: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	<u>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	<u>273.650,00</u>
A	Chi cân đối ngân sách nhà nước	273.650,00
I	Chi đầu tư phát triển	20.517,00
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	13.300,00
2	Chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn tiền sử dụng đất	640,00
3	Nguồn kết dư, chuyển nguồn...	6.577,00
II	Chi thường xuyên	207.982,86
1	Chi sự nghiệp kinh tế	33.133,99
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	119.810,56
3	Chi sự nghiệp Y tế - Chử thập đỏ	2.485,49
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	1.505,00
5	Chi sự nghiệp Phát thanh-VHTT-TDĐT	4.048,47
6	Chi an ninh quốc phòng	3.757,00
7	Chi đảm bảo xã hội	5.263,60
8	Chi quản lý hành chính (huyện, xã)	28.912,05
9	Chi khác	1.669,71
10	Chi sự nghiệp môi trường	3.174,00
11	Chi từ nguồn kết dư, chuyển nguồn...	4.223,00
III	Chi bổ sung cho ngân sách xã	39.239,14
IV	Dự phòng	5.611,00
V	Chi thông qua ngân sách	300,00
	Các khoản ghi thu, ghi chi	300,00



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA

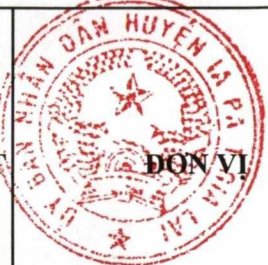
Mẫu số 26/CKTC-NSH

ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Quyết định số 47 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đvt: triệu đồng.

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG CHI	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN					CHI THƯỜNG XUYÊN						CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHI KHÁC
			TỔNG SỐ	TR. ĐÓ: CHI ĐẦU TƯ XDCB		TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	GỒM					
				TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	GIÁO DỤC ĐT&SN	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	Công an ninh - Quốc phòng	CHI SỰ NGHIỆP	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	LĨNH VỰC KHÁC	
1	Ban chỉ huy quân sự huyện	2.317,0	0,0					2.317,0	0,0	2.317,0	0,0			
2	Ban quản lý DA huyện	25.691,0	20.517,0	20.517,0				5.174,0	0,0		5.174,0			
3	Chi cục Thống kê huyện	20,0	0,0					20,0	20,0		0,0			
4	Chi cục Thuế huyện	10,0	0,0					10,0	10,0		0,0			
5	Công an huyện	1.395,0	0,0					1.395,0	0,0	1.395,0	0,0			
6	Đài Truyền thanh, truyền hình	1.244,4	0,0					1.244,4	0,0		1.244,4			
7	Đoàn thanh niên huyện	903,8	0,0					903,8	903,8		0,0			
8	Giáo dục thường xuyên	1.788,7	0,0					1.788,7	0,0		1.788,7			
9	Hạt Kiểm Lâm	200,0	0,0					200,0	200,0		0,0			
10	Hội chữ thập đỏ	390,1	0,0					390,1	0,0		390,1			
11	Hội Cựu chiến binh huyện	575,9	0,0					575,9	575,9		0,0			
12	Hội LH Phụ nữ huyện	718,2	0,0					718,2	718,2		0,0			
13	Hội nông dân huyện	773,0	0,0					773,0	773,0		0,0			
14	Kho Bạc nhà nước huyện	10,0	0,0					10,0	10,0		0,0			
15	Khối Đảng (Vp huyện ủy)	6.346,6	0,0					6.346,6	6.346,6		0,0			
16	Ngân hàng chính sách huyện	1.000,0	0,0					1.000,0	0,0		1.000,0			
17	Nhà máy nước huyện và dịch vụ công Ia Pa	573,3	0,0					573,3	0,0		573,3			
18	Phòng Dân tộc	634,6	0,0					634,6	508,7		125,9			
19	Phòng Giáo Dục và Đào tạo	67.200,4	0,0					67.200,4	1.007,5		66.192,9			
20	Phòng Kinh tế hạ tầng	858,5	0,0					858,5	662,0		196,6			
21	Phòng lao động TB&XH	7.182,9	0,0					7.182,9	1.134,3		985,0	5.063,6		
22	Phòng Nội vụ	1.860,4	0,0					1.860,4	1.660,4		200,0			
23	Phòng Nông nghiệp &PTNT	6.597,9	0,0					6.597,9	747,9		5.850,0			
24	Phòng Tài chính - KH	1.562,3	0,0					1.562,3	1.412,3		150,0			
25	Phòng Tài nguyên&MT	9.056,9	0,0					9.056,9	856,9		8.200,0			
26	Phòng Thanh tra huyện	735,0	0,0					735,0	735,0		0,0			

STT	 ĐƠN VỊ	TỔNG CHI	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN					CHI THƯỜNG XUYÊN					CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHI KHÁC	
			TỔNG SỐ	TR. ĐÓ: CHI ĐẦU TƯ XDCB		TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	GỒM					
				TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	GIÁO DỤC ĐT&SN	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	Công an ninh - Quốc phòng	CHI SỰ NGHIỆP	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI		LĨNH VỰC KHÁC
27	Phòng Tư pháp	520,9	0,0					520,9	520,9		0,0			
28	Phòng Văn hóa thông tin	3.030,8	0,0					3.030,8	426,8		2.604,0			
29	Phòng y tế	857,6	0,0					857,6	298,6		559,0			
30	Thi hành án	10,0	0,0					10,0	10,0		0,0			
31	Tòa án huyện	20,0	0,0					20,0	20,0		0,0			
32	Trạm khuyến nông	718,9	0,0					718,9	0,0		718,9			
33	Trạm trồng trọt và BVTV	200,0	0,0					200,0	0,0		200,0			
34	Trạm thú y	90,0	0,0					90,0	0,0		90,0			
35	Trung tâm Bồi dưỡng chính	1.297,5	0,0					1.297,5	0,0		1.297,5			
36	Trung tâm dân số KHH gia	1.636,4	0,0					1.636,4	0,0		1.536,4	100,0		
37	Trường Mẫu giáo tuổi Thơ	2.646,5	0,0					2.646,5	0,0		2.646,5			
38	Trường Phổ thông Dân tộc	7.176,9	0,0					7.176,9	0,0		7.176,9			
39	Trường THCS Lương Thế	2.433,6	0,0					2.433,6	0,0		2.433,6			
40	Trường tiểu học Lê Hồng	3.957,5	0,0					3.957,5	0,0		3.957,5			
41	Trường tiểu học Lê Quý Đôn	4.573,3	0,0					4.573,3	0,0		4.573,3			
42	Trường tiểu học Lê Văn Tám	2.785,9	0,0					2.785,9	0,0		2.785,9			
43	Trường Tiểu học Nguyễn Bá	5.943,6	0,0					5.943,6	0,0		5.943,6			
44	Trường Tiểu học Quang	4.468,1	0,0					4.468,1	0,0		4.468,1			
45	Trường tiểu học Võ Thị Sáu	4.120,3	0,0					4.120,3	0,0		4.120,3			
46	Trường trung học cơ sở Hai	4.243,0	0,0					4.243,0	0,0		4.243,0			
47	Trường trung học cơ sở Phan	4.064,8	0,0					4.064,8	0,0		4.064,8			
48	Ủy ban mặt trận TQ huyện	1.530,9	0,0					1.530,9	1.530,9		0,0			
49	Văn phòng HĐND-UBND	6.092,4	0,0					6.092,4	5.092,4		1.000,0			
50	Viện Kiểm sát	10,0	0,0					10,0	10,0		0,0			
	Cộng	202.075	20.517	20.517	0	0	0	181.558	26.192	3.712	146.490	5.164	0	0

**DỰ TOÁN CHI XDCB CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 47 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đvt: triệu đồng.

STT	Tên công trình	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
A	Dự án chuyển tiếp				-	-	-	-
	Dự án nhóm C							
B	Khởi công mới				22.860,00	-	-	20.517,00
	Dự án nhóm C							
I	Vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện quyết định đầu tư				14.890,00	-	-	13.300,00
1	Bổ sung nhà làm việc Trụ sở HĐND-UBND xã Chư Mố	Xã Chư Mố	2017	Nhà làm việc 02 tầng, DTXD: 264,68m ²	2.900,00			2.600,00
2	Nhà làm việc các phòng ban huyện Ia Pa	TT huyện	2017	Phòng làm việc 1 cửa điện tử, phòng làm việc các phòng ban, 02 tầng; DTXD: 407m ² và các hạng mục phụ	3.350,00			3.000,00
3	Trường Mẫu giáo 1-6, xã Kim Tân	Xã Kim Tân	2017	Nhà hiệu bộ, nhà học 02 phòng học và các hạng mục phụ	3.000,00			2.700,00
4	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Ia Mron	Xã Ia Mron	2017	Nhà đa năng; Cổng hàng rào và sân bê tông	3.560,00			3.200,00
5	Chi đầu tư phát triển khoa học công nghệ		2017	Các hạng mục chi đầu tư phát triển khoa học công nghệ theo Nghị định số 95/2014/NĐ-CP	780,00			700,00

STT	 Tên công trình	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2016	Đã thanh toán từ khởi công đến 31/12/2016	Dự toán năm 2017
6	Chỉnh trang đô thị khu trung tâm huyện	TT huyện	2017	San ủi, đắp đất, tạo khuôn lề đường Hùng Vương; chiều dài khoảng 1.636,15m	1.300,00			1.100,00
II	Nguồn tiền sử dụng đất				640,00			640,00
1	Nộp Quỹ phát triển đất		2017		180,00			180,00
2	Công tác chuẩn bị đầu tư cho các công trình khởi công mới năm 2018		2017		460,00			460,00
III	Nguồn kết dư				7.330,00			6.577,00
1	Cụm công nghiệp huyện Ia Pa	Xã Kim Tân	2017	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2.230,00			2.000,00
2	Trường Tiểu học Quang Trung xã Ia Broái	Xã Ia Broái	2017	Xây dựng nhà học 06 phòng và các hạng mục phụ tại điểm trường 02 thôn Buôn Júr	3.900,00	-	-	3.500,00
3	Bổ sung vốn để thực hiện một số công trình thuộc kế hoạch vốn Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo QĐ số 293/QĐ-TTg trong năm 2017	Các xã	2017	Bổ sung vốn để hoàn thành công trình thuộc Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo QĐ số 293/QĐ-TTg năm 2017	1.200,00			1.077,00



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA CÁC XÃ NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của UBND huyện Ia Pa)

Đvt: triệu đồng.

STT	Tên xã	Tổng thu NSNN trên địa bàn các xã	Tổng chi cân đối ngân sách xã	Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho cấp xã		
				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
1	Pờ Tó	653,75	5.156,41	4.786,720	3.369,71	1.417,01
2	Chư Răng	289,24	4.476,39	4.334,193	3.255,37	1.078,82
3	Kim Tân	470,53	4.372,58	4.175,440	3.058,81	1.116,63
4	Ama Rơn	5.047,75	5.043,82	4.271,157	2.889,70	1.381,46
5	Ia Trốk	788,36	5.162,99	4.853,754	3.673,68	1.180,07
6	Ia Broãi	70,36	4.448,52	4.398,462	3.379,18	1.019,28
7	Ia Tul	88,30	4.163,52	4.099,007	3.097,12	1.001,89
8	Chư Mố	89,24	4.292,64	4.227,749	3.054,30	1.173,45
9	Ia Kdăm	79,47	4.155,27	4.092,659	3.035,57	1.057,09
	Tổng cộng	7.577,00	41.272,14	39.239,14	28.813,45	10.425,70